

<p>2.1. Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi 2.1.1. Tiêu chí 1.1: Chương trình có kết quả học tập mong đợi được trình bày rõ ràng Kết quả học tập dự kiến của chương trình được xây dựng và quy định một cách rõ ràng trong chương trình đào tạo ngành công nghệ kỹ thuật Điện-Điện Tử [Exh. 2.1 (1)].</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp có các đặc điểm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có kiến thức, nguyên lý, kỹ năng cơ bản và chuyên ngành trong lĩnh vực kỹ thuật Điện-Điện Tử, có kỹ năng thực hành cao, đảm đương nhiệm vụ của người kỹ sư ngành Điện công nghiệp và đáp ứng nhu cầu xã hội. ▪ Sẵn sàng để làm việc với đạo đức kỹ thuật chuyên nghiệp và đề cao văn hóa Việt. ▪ Tò mò trong học hỏi và khả năng học tập suốt đời của người học. ▪ Suy nghĩ sáng tạo và ứng dụng kiến thức kỹ thuật Điện – Điện Tử. <p>Các bộ phận phát triển chương trình đào tạo có các cuộc họp để thu thập thông tin từ các bên liên quan (các nhà quản lý, giáo viên, sinh viên, cựu sinh viên, và nhà tuyển dụng lao động) và sau đó phân tích và tổng hợp để thiết lập kết quả học tập mong đợi.</p>	<p>2.1. Expected Learning Outcomes 2.1.1. The expected learning outcomes have been clearly formulated and translated into the program. The expected learning outcomes of the graduate are formulated and explicitly stated in the Electrical & Electronic Engineering curriculum [Exh. 2.1(1)].</p> <p>The graduate should possess the following characteristics:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ There are the knowledge, principles, basic skills and specialized in the field of Electrical-Electronics engineering, high-skill practice, assume the task of the industrial Electrical engineers and satisfy social needs. ▪ Be ready to work with professional engineering ethics and are appreciation of Vietnamese culture. ▪ Be inquisitive and life-long learners. ▪ Be creative in thinking and applying EEE knowledge. <p>The curriculum development staffs have meetings to gather information from stakeholders (administrators, staffs, students, alumni, and employers) and then analyze and synthesize to establish the expected learning outcome.</p>
<p>Các nguồn để xây dựng kết quả học tập dự kiến (chuẩn đầu ra dự kiến) xuất phát yêu cầu các bên liên quan, mà có thể được phân loại thành 5 nhóm. Các nguồn từ mỗi nhóm được liệt kê như sau:</p> <p>Nhóm các bên liên quan 1 (các nhà quản lý) Nhóm các bên liên quan 2 (giảng viên) Nhóm các bên liên quan 3 (sinh viên) Nhóm các bên liên quan 4 (cựu sinh viên) Nhóm các bên liên quan 5 (thị trường lao động).</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Việc thiết kế chương trình đào tạo thông qua quy trình Lập và điều chỉnh chương trình đào tạo [Exh. 2.1 (2)], [2.2-01] của nhà trường, có sự tham gia của các cán bộ/chuyên gia quản lý đào tạo và giảng viên. - Nhà trường thông qua Hội đồng khoa học Trường ban hành văn bản hướng dẫn, khung chương trình. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm sắp xếp, quy định số lượng tín chỉ cho một chương trình đào tạo sao cho phù hợp với nhu cầu thực tế xã hội và khả năng cơ sở vật chất của nhà trường sau khi thông qua 	<p>Sources for developing expected learning outcome are requirements from stakeholders, whom can be categorized into 5 groups. The sources from each group are listed as follows:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Stakeholder group 1 (administrator) - Stakeholder group 2 (staff) - Stakeholder group 3 (student) - Stakeholder group 4 (alumni) - Stakeholder group 5 (labor market). <ul style="list-style-type: none"> ▪ Training program is designed by establishing and adjusting the educational program [2.2-01] of the University, with the participation of staff/ educational management expert and lecturer. - University's Science Council issues guidelines, framework for the program. Training Department is responsible for organizing, specifying the credit number for an training program in order to stasify society's actual demands and University's facility capability after receiving agreement from the Council [2.2-02].

các ý kiến đóng góp của Hội đồng khoa học nhà trường [Exh. 2.1 (3)] [2.2-02].

- Trưởng Bộ môn và các Trưởng nhóm môn học xây dựng tên môn học và mô tả môn học, trình Hội đồng khoa học Khoa và phải được sự phê duyệt của Hội đồng khoa học nhà trường [Exh. 2.1 (3)] [2.2-02]. Trong quá trình này, các khoa có liên quan đến ngành đào tạo thường xuyên tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện chương trình đào tạo.
- Trưởng nhóm môn học phân công các giảng viên có chuyên môn tốt cùng xây dựng đề cương chi tiết các môn học [Exh. 2.1 (4)] [2.2-03].
- Các phòng ban như Thiết bị – Vật tư, Thư viện,... cung cấp thông tin về nguồn tài liệu, vật tư thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập có khả năng đáp ứng theo quy trình hiện hành của nhà trường [Exh. 2.1 (5)], [Exh. 2.1 (6)] [2.2-04, 2.2-05].
- Chương trình đào tạo có sự tham gia của cựu sinh viên, các chuyên gia cùng ngành, chuyên ngành ngoài đơn vị và các nhà tuyển dụng lao động thông qua các buổi hội thảo, lấy ý kiến bằng các phiếu tham khảo ý kiến xây dựng CTĐT CNKT DDT ngành Điện công nghiệp của 87 đơn vị sản xuất, trường cao đẳng, trung cấp nghề và các trường đại học [Exh. 2.1 (7)] [2.2-06]. Các phiếu này được xây dựng dựa trên các mẫu trắc nghiệm nhằm xác định được mức độ đáp ứng của các giáo viên và kỹ sư lúc phỏng vấn tuyển dụng và trong suốt quá trình làm việc. Nội dung gồm khả năng đáp ứng về trình độ chuyên môn, khả năng thích ứng với môi trường làm việc mới, trình độ ngoại ngữ,... Tuy nhiên, nội dung của phiếu lấy ý kiến còn thiên về kỹ năng và trình độ của sinh viên tốt nghiệp, chưa đánh giá được khả năng thích ứng với môi trường làm việc mới hay năng lực quản lý của sinh viên.
- Định kỳ nhà trường và Khoa đã tiến hành điều tra, đánh giá, nhận xét các ý kiến phản hồi của cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động về CTĐT ngành CNKT DDT thông qua các buổi hội thảo với các doanh nghiệp trong và ngoài nước và họp mặt truyền thống của ngành bằng các phiếu lấy ý kiến. Ngoài ra,

- Head of the Department and head of subjects establish course's name and description, submit them to the Science Council of the Faculty and must be approved by the Science Council of the University [2.2-02]. In this process, the relevant departments should regularly contribute ideas to complete the training program.

- Head of subjects assign lecturers with great expertise to build a detailed subject outline [2.2-03].

- The departments such as Equipment - Material, Library,... provide information about resources, equipment and material for teaching and learning which can comply with current procedure of University [2.2 -04, 2.2-05].

▪ With the participation of alumni, professionals (in or not specialized in the same field), and the recruiters; workshop was organized, opinions of 87 manufacturers, colleges, universities, and apprentice schools were collected by questionnaire of building EEE program [2.2-06]. The poll was based on the quiz to determine the satisfactory level of lecturers and engineers at job interview and during working. The contents include the ability to meet the specialized qualifications, the ability to adapt to the new working environment, language proficiency,... However, the content of the questionnaire was biased in skill and level of graduates, and has not assessed the ability to adapt to a new working environment and management capacity of students.

▪ Periodically, the University and the Faculty conducted the investigation, evaluation, comments and feedback from alumni, employers on the EEE learning program through workshops with businessmen (home and abroad), and faculty's traditional meeting by questionnaire. In addition, the Faculty also collected feedback from the

<p>Khoa cũng đã tiến hành thu thập ý kiến từ các sinh viên đang học tại trường thông qua các buổi gặp gỡ đối thoại định kỳ giữa Khoa và SV mỗi học kỳ một lần [Exh. 2.1 (8)] [2.2-07]. Từ kết quả này, trong những năm qua, nội dung CTĐT đã luôn được bổ sung, điều chỉnh sao cho phù hợp với tình hình mới và đáp ứng được các yêu cầu của xã hội [Exh. 2.1 (9)] [2.2-08]. Theo sự phân cấp của nhà trường, Bộ môn có thể điều chỉnh 10% nội dung của CTĐT với sự thông qua của Hội đồng khoa học Khoa và Trường để cập nhật thông tin mới và phù hợp với yêu cầu của tình hình thị trường lao động. Ví dụ: Qua phân tích ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động về trình độ Anh văn và kỹ năng mềm của SV sau khi ra trường, môn tiếng Anh chuyên ngành (3 tín chỉ) đã được bổ sung vào CTĐT và chuẩn tiếng Anh (350 điểm TOEIC) của SV sau khi tốt nghiệp được đưa vào chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, các kỹ năng mềm thì chỉ mới được GV chú ý khi thực hiện các đề án môn học, đề án tốt nghiệp.</p>	<p>students who are learning at school by discussion between the faculty and students once per semester [2.2-07]. From this result, in recent years, the programs has been frequently supplemented and adjusted to suit the new situation and meet the society's requirements [2.2-08]. According to the University's assignment, with the approval of the Science Council from faculty and university, lecturers can adjust the 10% content of the program to update new information so as to satisfy labor market's requirements. For example: by analyzing the recruiters' opinions about students' English proficiency and soft skills after graduation, English for specific purpose (ESP) (3 credits) was added to the program, and English standard (350 TOEIC score) for students was set as output standard. For soft skills, the lecturer only evaluated when implementing subject's project, and graduation thesis.</p>
<p>Các mục tiêu của CTĐT công nghệ kỹ thuật Điện – Điện Tử được định kỳ rà soát hàng năm, từ đó nhà trường và khoa Điện – Điện Tử đã sửa đổi và hoàn thiện chương trình để nâng cao tính tự học đảm bảo tính tự học của người học và phù hợp với cơ sở vật chất hiện có của nhà trường, cụ thể như: năm 2003, số tín chỉ của CTĐT là 240 tín chỉ; năm 2006, điều chỉnh xuống còn 228 tín chỉ (kể cả Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất); năm 2012 tiếp tục điều chỉnh xuống còn 150 tín chỉ [Exh.2.1(10)] [1.1-04]. Trong các văn bản và các hội nghị đại biểu CBVC hàng năm, các mục tiêu này đều được tiến hành rà soát và bổ sung cải tiến [Exh. 2.1 (11)] [1.1-05]. Quy trình rà soát các mục tiêu được tiến hành như sau:</p>	<p>The objectives of EEE program are annually reviewed, from there, the University and Faculty revised and completed the program to enhance and ensure self-learning of the learner, to suit the existing facilities of the University, specifically in 2003, the credit number of the program was 240; in 2006, it was adjusted to 228 credits (including the military and physical education); in 2012, it was continued to adjust to 150 [Exh. 2.1(10)]. In texts and annual delegate conference, the objectives have been reviewed and improved [Exh. 2.1 (11)]. The process of reviewing the objectives as in the following:</p>
<p>- Tổng kết đánh giá việc thực hiện mục tiêu của CTĐT của ngành công nghệ kỹ thuật Điện – Điện Tử thông qua phiếu đánh giá của cựu sinh viên, của các doanh nghiệp, của các giảng viên cơ sở đào tạo khác; phiếu đánh giá tình hình sinh viên tốt nghiệp do phòng công tác sinh viên sinh viên thu thập [Exh. 2.1 (12)] [1.1-06];</p>	<p>- Summarize and evaluate the implementation of EEE program's objectives through evaluation form of alumni, businesses, lecturers of other institutions; graduates evaluation form from department of student activities [Exh. 2.1 (12)].</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến văn bản nói trên cho các bộ môn liên quan có tham gia đào tạo ngành công nghệ kỹ thuật Điện – Điện Tử; - Bộ môn quản ngành xem xét, đóng góp ý kiến, kiến nghị trường về việc chỉnh sửa mục tiêu, nếu có; - Hội đồng khoa học trường xem xét và chỉnh sửa các mục tiêu giáo dục theo đề xuất của bộ môn và khoa quản ngành, nếu có; - Các đơn vị thực hiện mục tiêu đào tạo ngành công nghệ kỹ thuật Điện – Điện Tử mới, nếu có. <p>Trên cơ sở các yêu cầu quan trọng nhất được liệt kê ở trên, các đặc điểm được bản đồ hóa. Bản đồ này đặc trưng ánh xạ giữa kết quả học tập dự kiến và 5 đặc tính mong muốn của lĩnh vực trình bày trong Bảng 2.1-1 [Exh. 2.1 (13)] [Exh. 2.1 (9)].</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Disseminate the above documents to the relevant departments in EEE program; - Head of subjects considers, contributes opinions and raises suggestion to the University if any change in the objectives; - University’s Science Council considers and modifies the objectives as proposed by the lecturer and faculty, if any; - The unit implements EEE program’s new objectives, if any. <p>On the basis of the most important requirements listed above, the mapping feature. This map features mapping between the intended learning outcomes and five desirable characteristics of the field presented in Table 2.1-1 [Exh. 2.1 (13)].</p>
--	---

Bảng 2.1-1 Đặc điểm bản đồ kết quả học tập dự kiến và các đặc tính mong muốn

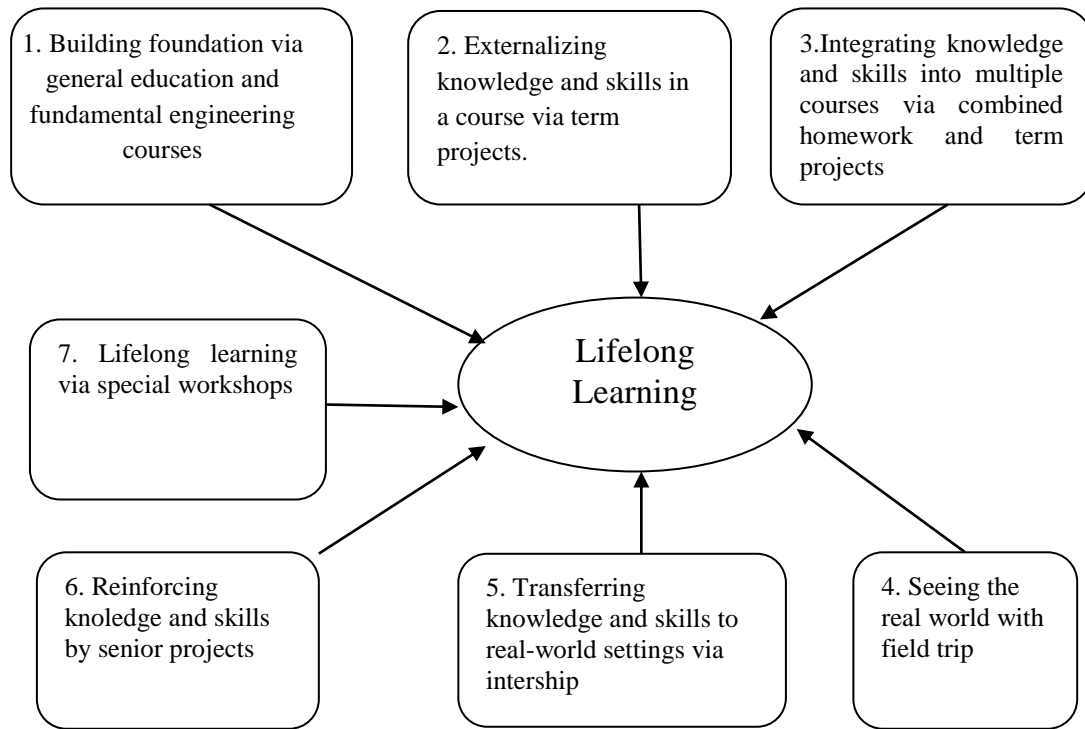
		Các đặc điểm mong muốn				
		Đạo đức và luân lý	Kiến thức	Kỹ năng nhận thức	Kỹ năng giao tiếp	Kỹ năng phân tích
Kết quả học tập dự kiến	Có kiến thức, nguyên lý, kỹ năng cơ bản và chuyên ngành trong lĩnh vực kỹ thuật Điện-Điện Tử, có kỹ năng thực hành cao, đảm đương nhiệm vụ của người kỹ sư ngành Điện công nghiệp và đáp ứng nhu cầu xã hội.		✓			✓
	Sẵn sàng để làm việc với đạo đức kỹ thuật chuyên nghiệp và đề cao văn hóa Việt	✓				✓
	Tò mò trong học hỏi và khả năng học tập suốt đời của người học			✓	✓	
	Suy nghĩ sáng tạo và ứng dụng kiến thức kỹ thuật Điện – Điện Tử		✓	✓		✓

Table 2.1-1 Map of intended learning outcomes and desirable characteristics

		Desireable characteristics				
		Ethics and morality	Knowledge	Awareness skills	Communication skills	Assessment skills
Learning outcomes	Have knowledge, principle, specilized and basic skills in EEE field, have advanced pratical skills, take good responsibility of an industrial electrical engineer to satisfy society's demands.		✓			✓
	Get ready to work with professional ethics and appreciate Vietnamese cultures	✓				✓
	Curiosity in learning and life-long study of learners			✓	✓	
	Creative thinking and implemented EEE knowledge		✓	✓		✓

Criterion 1.2: The program promotes lifelong learning

<p>- Chương trình đưa ra các nền tảng cho việc học suốt đời thông qua 7 chiến lược được trình bày ở hình 2.1-1. Bảy chiến lược này được phát triển với mục đích bổ sung cho nhau để khuyến khích sinh viên cam kết tự học, thử nghiệm những ý tưởng mới, chuyển giao kiến thức và kỹ năng trong các bối cảnh khác nhau, tích hợp kiến thức và kỹ năng vào các khoá học, và tiếp tục việc tự học của họ vượt xa những gì họ đã học được trong lớp. Hơn nữa, nhà trường cung cấp nguồn lực thích hợp cho sinh viên, chẳng hạn như lớp học, phòng thí nghiệm, thư viện, giảng viên, Wi- Fi, phòng máy tính và không gian làm việc. Sinh viên có thể truy cập tìm cơ hội học tập bao gồm thư viện, thư viện các trường đại học, internet, các trung tâm, [Exh. 2.1 (14)].[minh chứng]</p>	<p>The program lays down the foundation for lifelong learning through 7 strategies as shown in Figure 2.1-1. The seven strategies were developed to complement and encourage students to commit themselves to self-study, experiment new ideas, transfer knowledge and skills in different contexts, integrate knowledge and skills into multiple courses, and continue their education beyond what they have learned during the class. Moreover, the faculty of Engineering provides adequate resources for students, such as classroom, laboratories, faculty library, Wi- Fi, and workspace. Student can access to learning opportunities including faculty library, university library, internet, centers, and so on. (Exh. 2.1 (14))</p>
---	---



Hình 2.1-1 7 chiến lược hỗ trợ cho việc học tập suốt đời

1. Xây dựng các cơ sở thông qua các môn học đại cương và cơ sở ngành

Để theo đuổi thành công học tập suốt đời, sinh viên cần phải có đầy đủ kiến thức cơ bản và kỹ năng như kỹ năng ngôn ngữ cả tiếng Việt và tiếng Anh, kỹ năng xã hội, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng khoa học. UTE xây dựng các cơ sở thông qua các khóa học khối kiến thức đại cương (56 tín chỉ) [Exh. 2.1 (1)].

Ngoài ra, để chuẩn bị cho sinh viên hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN sắp tới chương trình củng cố các kỹ năng ngôn ngữ, bổ sung thêm khóa học tiếng Anh cho sinh viên. [Exh. 2.1 (1)]. [chương trình đào tạo chỉ ra các môn học Anh văn, yêu cầu trình độ anh văn khi ra trường] Các khóa học này nhằm mục đích nâng cao kỹ năng tiếng Anh của sinh viên để họ có sẵn sàng cho công việc thực tế [Exh. 2.1 (1)]. Ngoài ra, chương trình còn cung cấp kiến thức tiếng Anh chuyên ngành nhằm hỗ trợ việc học tập được tốt hơn. [Exh. 2.1 (1)].

Chương trình còn hỗ trợ người học các kỹ năng cơ bản trong kỹ thuật máy tính, được đề xuất bởi các cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Kỹ năng này được thể hiện trong suốt quá trình học thông qua việc thực hiện các đồ án, tiểu luận [Exh. 2.1 (15)]. [minh chứng: các đồ án tiểu luận trong CTDT]. Thêm vào đó, chương trình đào tạo năm 2012 có thêm vào một số môn học mới. Đó là IEET130145 Nhập môn

1. Building foundations via general education and fundamental engineering courses

To successfully pursue lifelong learning, students need to be equipped with adequate fundamental knowledge and skills such as language skills both Vietnamese and English, social skills, human skills, and science skills. UTE built these foundations via general education courses (56 credits).

In addition, in order to prepare the students for the upcoming ASEAN Economic Community (AEC) and to reinforce the language skills, the university has added English courses for students. These courses aim at enhancing the students' English language skills so that they are ready for real-world work [Exh. 2.1(1)]. In addition, the program also offers specialized knowledge of English to facilitate better learning. [Exh. 2.1 (1)].

- The program also supports the learning of basic skills in computer engineering, which was proposed by alumni and employers. This skill is shown during the learning process through the implementation of projects, essays [Exh. 2.1 (15)]. In addition, training programs in 2012 added some new courses. They are IEET130145 Introduction the EEE, Thematic reality, these subjects were proposed by alumni and

ngành công nghệ KTĐĐT, Chuyên đề thực tế, các môn học này được đề xuất bởi các cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Môn học này cung cấp cho người học nội dung về chuẩn đầu ra ngành Công nghệ Kỹ thuật điện điện tử, chương trình khung và chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật điện điện tử, vai trò, vị trí công tác và các nhiệm vụ của Kỹ sư Ngành Công nghệ Kỹ thuật điện điện tử và các hướng đào tạo chuyên ngành và các công nghệ đã, đang và sẽ được ứng dụng trong ngành Công nghệ Kỹ thuật điện điện tử trong tương lai.

Ngoài ra còn có các kỹ năng cần thiết cho kỹ thuật, chẳng hạn như làm việc nhóm, phân tích dữ liệu, quản lý thời gian, dự toán, lập kế hoạch, ưu tiên, phân bổ thời gian, tốc độ làm việc, tìm kiếm thông tin, tổng hợp thông tin có hiệu quả cao. [Exh. 2.1 (16)].

2. Tri thức bên ngoài và các kỹ năng trong một khóa học thông qua các đồ án tiểu luận

Chiến lược này tập trung vào việc xây dựng khả năng chuyển những gì sinh viên đã học được trong quá trình học cho một dự án thực tế. Tùy thuộc vào khóa học, dự án có thể được thực hiện cá nhân, theo nhóm, hoặc cả hai. Các môn học được liệt kê trong Bảng 2.1 2 là những ví dụ các môn học đòi hỏi sinh viên làm các tiểu luận/đồ án.

Bảng 2.1-2 Danh sách các môn học với thực hiện tiểu luận/đồ án

Năm / Học kỳ	Môn học	Loại tiểu luận/đồ án
1/1	IEET130145 Nhập môn ngành công nghệ KTĐĐT	nhóm
2/2	BAEL340662 Điện tử cơ bản	cá nhân hoặc nhóm
2/2	POSY330445 Hệ thống điện	nhóm
3/1	ELPS330345 Cung cấp điện	nhóm
3/1	PRED410945 Đồ án Truyền động điện tự động	cá nhân
3/2	PRES411045 Đồ án Cung cấp điện	cá nhân
4/1	ECAD320645 CAD trong kỹ thuật điện	nhóm
4/1	ACAD321245 CAD trong kỹ thuật điện nâng cao	nhóm
4/1	LTRI321345 Kỹ thuật chiếu sáng dân dụng và công nghiệp	nhóm
tự	PRTO412445 Chuyên đề	nhóm

employers. This course provides students the content of output standard of EEE, program curriculum frameworks and curriculum of EEE; roles, positions and responsibilities of EEE Engineer; and specialized instructions and technologies has been and will be applied in EEE in the future.

In addition, the program introduces the necessary skills for good engineering, such as time recording, data analyzing, time management, estimating, planning, scheduling, prioritizing, time budgeting, work velocity, searching for information, summarizing information, 7 habits of highly effective people, and team work [Exh. 2.1(16)].

2. External knowledge and skills in a course via term projects

This strategy focuses on building students' ability to transfer what they have learned during the course to a small real-world project. Depending on the course, the project could be done individually, as a team, or both. The courses listed in Table 2.1-2 are examples which require students to do term projects.

Table 2.1-2 List of subjects for doing term projects

Year / Semester	Subjects	Type of term project
1/1	IEET130145 Introduction technology EEE	Team
2/2	BAEL340662 Basic Electronic	Individual or Team
2/2	POSY330445 Power System	Team
3/1	ELPS330345 Power Supply	Team
3/1	PRED410945 Driving automatically Projects	Individual
3/2	PRES411045 Power Supply Project	individual
4/1	ECAD320645 CAD in Electrical Engineering	Team
4/1	ACAD321245 Advance CAD in Electrical Engineering	Team
4/1	LTRI321345 Lighting Techniques residential and industrial	Team
Elective	PRTO412445 Practical Thematic reality	Team

3. Tích hợp kiến thức và kỹ năng trong nhiều môn học thông qua các đồ án, bài tập về nhà.

Thay vì học mỗi khóa học độc lập, sinh viên được khuyến khích kết hợp các dự án ở nhiều môn học hoặc tăng cường các dự án từ các khóa học trước đó trong chương trình học. Ngoài ra, bắt đầu từ năm 2012, các môn học kết hợp các dự án bài tập về nhà bằng cách yêu cầu sinh viên sử dụng công nghệ phần mềm, thực hành trong việc làm bài tập cho các môn học thông qua chương trình HEEEP ONLINE [Exh. 2.1 (17)]. [www.heeap.college.com]. Không những phương pháp này làm giảm khối lượng công việc cho sinh viên, mà nó cũng đòi hỏi sinh viên khả năng tích hợp các khái niệm từ hai hay nhiều môn cùng một lúc. Dựa trên sự thành công của phương pháp này, khoa Điện – Điện tử có kế hoạch mở rộng phương pháp này đến khóa học khác. Với phương pháp này, sinh viên được luyện tập tích hợp kiến thức và kỹ năng. Kết quả là, các sinh viên đã sẵn sàng hơn để tích hợp kiến thức và kỹ năng của các đối tượng khác nhau.

4. Nhìn thấy công việc thực tế thông qua các chuyến đi thực địa

Hàng năm khoa Điện – Điện Tử tổ chức các chuyến đi thực địa 2 ngày cho sinh viên trong học kỳ đầu tiên của năm thứ 3 của họ trong chương trình. Trong chuyến thăm này, các sinh viên được yêu cầu phải quan sát và xác định những kiến thức và kỹ năng mà họ đã nghiên cứu và những gì được sử dụng. Sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi trong các chuyến đi thực tế. Việc tiếp xúc với môi trường thực tế sẽ giúp sinh viên chuẩn bị cho thực tập của họ vào cuối năm học. Điều này cũng khuyến khích họ đi sâu hơn những gì được dạy trong các lớp học. **Việc đi thực tế được quy định 1 tín chỉ trong chương trình đào tạo môn Chuyên đề thực tế.** [Exh. 2.1 (1)] [Exh. 2.1 (18)]. [minh chứng: các quyết định cho tham quan reneas, Vinamilk...]

5. Ứng dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế thông qua thực tập nhà máy

Chương trình giảng dạy đòi hỏi các sinh viên phải mất ít nhất 270 giờ thực tập (2 tuần) trong các cơ quan sau khi hoàn thành năm thứ 4 của chương trình học. Trước khi thực tập, sinh viên được yêu cầu phải làm nghiên cứu về nơi làm việc: công việc kinh doanh của nơi làm việc, vị trí, loại công việc dự kiến từ sinh viên, và những kiến thức và kỹ năng cần thiết

3. Integrating knowledge and skills in multiple courses via homework and term projects

Instead of learning each course independently, students are encouraged to combine term projects in several courses or increase term projects from previous courses in their learning program. In addition, in the beginning of 2012, the course combined homework project by asking students to use software technologies, practical exercises in the course through the HEEEP ONLINE [Exh. 2.1 (17)]. [Www.heeap.college.com]. This method not only reduces the workload for students, but it also requires students to integrate concepts of two or more subjects at the same time. Based on the success of this approach, Faculty of EEE plans to expand this approach to other courses. By this, students practice integrating knowledge and skills. As a result, they are more ready to integrate these two in different subjects.

4. Seeing the real world through a field trip

Annually, Faculty of EEE organizes 2-day field trips for students in the first semester of their 3rd year in the program. During the visit, students are required to observe and identify what knowledge and skills they have studied and what are used in each organization. Students are encouraged to ask questions during the field trip. The exposure to the real-world environment will help students prepare for their internship at the end of the academic year. This also encourages them to go beyond what is taught during the class.

5. Transferring knowledge and skills to real-world settings via an internship

The curriculum requires the students to take at least a 270-hour (2 weeks) internship in the industry after completing the fourth year of study. Before taking the internship, students are required to do research in the workplace: workplace business, location, type of work expected from the students, and the knowledge and skills required to do the work. The summary of the research is then reported and presented. In addition, an orientation is arranged by the faculty of EEE and the Department UTE to give an overview

để làm việc. Bản báo cáo thực tập sau đó được báo cáo và trình bày. Ngoài ra, việc lựa chọn cơ quan nhà máy thực tập được định hướng sắp xếp bởi Khoa và phòng đào tạo để cung cấp cho một cái nhìn tổng quan và kiến nghị về thái độ thích hợp trong quá trình thực tập. [Exh. 2.1 (1)]. [Exh. 2.1 (19)]. [các giấy giới thiệu khi cử đi thực tập, phiếu tiếp nhận sinh viên..]

6. Tăng cường kiến thức và kỹ năng thông qua các tiểu luận lớn/đồ án tốt nghiệp

Các chương trình kỹ thuật tại UTE đòi hỏi sinh viên tích hợp tất cả những gì họ đã học được vào một tiểu luận lớn/đồ án tốt nghiệp. Đồ án này được thực hiện trong 1 học kỳ. Sinh viên sẽ đề xuất những vấn đề và cách tiếp cận để giải quyết các vấn đề dưới sự giám sát của chuyên gia tư vấn/giáo viên hướng dẫn của họ. Trong quá trình để có được các giải pháp, các sinh viên sẽ được yêu cầu để hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành một dự án cụ thể. Sinh viên phải suy nghĩ, lên kế hoạch, thực hiện, giao tiếp, và đánh giá công việc của họ. Quá trình thực hiện các đồ án cũng tương tự như quá trình làm luận án ở mức độ tổng thể, nhưng mức độ ít hơn. Trong ngắn hạn, sinh viên cần phải bảo vệ đề xuất đồ án của họ với bộ môn trong học kỳ đầu tiên của năm 4 và bảo vệ dự án hoàn thành của họ trong học kỳ cuối của năm thứ 4. Ngoài ra, các đồ án thường yêu cầu sinh viên thực hiện nghiên cứu một mình-một nền tảng cho việc học tập suốt đời. [Exh. 2.1 (1)]; [Exh. 2.1 (20)]. [minh chứng danh sách sinh viên làm đồ án tốt nghiệp các năm học]

7. Học tập suốt đời thông qua các cuộc hội thảo đặc biệt

Kể từ khi CNTT được ứng dụng mạnh mẽ, những gì sinh viên học ngày nay có thể trở nên lỗi thời bởi sau thời gian họ tốt nghiệp. Vì vậy, mỗi năm khoa và nhà trường sắp xếp hai hoặc ba cuộc hội thảo để cập nhật các giảng viên, hỗ trợ nhân viên, và sinh viên kiến thức và kỹ năng mới nhất. [Exh. 2.1 (21)]. [Ví dụ, minh chứng phòng QLKH

Cựu sinh viên, giảng viên và nhân viên hỗ trợ cũng được khuyến khích tham gia. Những hội thảo này cung cấp các cơ hội cho các sinh viên học tập bên ngoài lớp học và tiếp tục làm tăng cường kiến thức và kỹ năng của họ. [Exh. 2.1 (22)], [minh chứng-các buổi lễ 20-11 gặp gỡ cựu sinh viên khoa Điện]

Đặc biệt hiện nay nhà trường đang tiến hành triển khai E-learning và Mobile-Learning nhằm ứng dụng

and recommendations about the proper demeanor during the internship.

6. Reinforcing knowledge and skills by senior projects

The engineering programs at UTE require students to integrate everything they have learned into a senior project. The project is carried out in two semesters. Students will propose the problems and approaches for solving the problems under the supervision of their project advisors. In the process of achieving the solutions, students will be required to conceive, design, implement and operate a specific project. They have to think, plan, implement, communicate, and assess their work. The process of doing the senior project is similar to the process of doing a thesis at the master level, but in a lesser extent. In short, students need to defend their senior project proposals to the committee in the first semester and defend their completed projects in the second semester. In addition, the senior projects usually require students to undertake the study by themselves—a foundation for lifelong learning.

7. Lifelong learning via special workshops

Since IT is ever-changing, what students learn today can become obsolete by the time they graduate. Therefore, each year FEEE and the UTE arrange two or three workshops to update faculty members, support staff members, and students with the latest knowledge or skills.

The audience for the workshops is not limited to the current students. Alumni, faculty members, and supporting staff are also encouraged to attend. These workshops provide the opportunities for the students to learn outside the classroom and further sharpen their knowledge and skills.

Especially now, the school is conducting implementing E-learning and Mobile-Learning for more powerful applications using ICT in teaching and learning, contributing to enhanced self-learning, self-study for students, reducing class time,

manh mẽ hơn nữa việc ứng dụng CNTT trong dạy và học, góp phần tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên, giảm thời gian lên lớp, tăng cường trao đổi và họp nhóm khi lên lớp. [Exh. 2.1 (23)] [minh chứng triển khai E-learning và Mobile-Learning và chương trình của HEEAP PEARSON].

increasing exchanges and teamworking.

2.1.3 Tiêu chí 1.3: Kết quả học tập mong đợi bao gồm cả kiến thức và kỹ năng đại cương lẫn kiến thức và kỹ năng chuyên ngành

Bảng 2.1.3 cho thấy kết quả học tập dự kiến có thể được phân loại thành danh mục khối kiến thức đại cương và chuyên ngành. Các khối kiến thức đại cương tập trung vào thái độ của sinh viên, nhân cách, năng lực chung và khả năng để làm nghiên cứu. Các khối kiến thức chuyên ngành nhấn mạnh khả năng kỹ thuật của sinh viên, năng lực kỹ thuật, và nhận thức văn hóa. [Exh. 2.1 (1)]

[minh chứng: bảng tỷ lệ khối kiến thức trong CTDT]

Bảng 2.1.3 Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

Tên	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	56	56	
Lý luận chính trị	12	12	0
Khoa học XH&NV	6	0	6
Anh văn	9	9	0
Toán và KHTN	23	18	5
Tin học	3	3	0
Nhập môn ngành công nghệ KTĐĐT	3	3	0
Khối kiến thức chuyên nghiệp	94		
Cơ sở nhóm ngành và ngành	39	39	0
Chuyên ngành	25	19	6
Thực tập xưởng	20	20	0
Thực tập công nghiệp (nếu có)			
Khóa luận tốt nghiệp	10	10	0

- Chương trình đào tạo được xây dựng từ khung chương trình của Bộ GD&ĐT nên có quy định rõ các khối kiến thức nền tảng về toán và khoa học,

2.1.3. Criterion 1.3: The expected learning outcomes cover both generic and specialized skills and knowledge.

Table 2.1-3 shows how the expected learning outcomes can be classified into generic and specialized skills. The generic parts focus on students' attitude, personality, generic competencies, and ability to do advanced studies. The specialized parts emphasize students' technical identity, technical competencies, and cultural awareness. [Exh. 2.1 (1)]

Table 2.1.3 Distribution of the parts of the body of knowledge

Name	Credits		
	Total	Required	Elective
Generic knowledge	56	56	
Political theory	12	12	0
Social Sciences and Humanities	6	0	6
English	9	9	0
Mathematics and Natural Sciences	23	18	5
Informatics	3	3	0
Introduction to the EEE	3	3	0
Specialized knowledge	94		
Basis and specialized branches	39	39	0
Specialized	25	19	6
Practice workshops	20	20	0
Industrial Practice (if applicable)			
Thesis	10	10	0

The training program which is built from the

khoa học kỹ thuật liên quan đến ngành đào tạo và kiến thức, kỹ năng thực hành sư phạm [Exh. 2.1 (1)] [2.1-01]. Cụ thể là: Nội dung kiến thức đại cương (56 tín chỉ, chưa gồm Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất) chuyển tải các kiến thức về toán, lý, hóa, ngoại ngữ, tin học và một số môn khoa học xã hội và nhân văn. Nội dung các môn cơ sở ngành (39 tín chỉ), chuyên ngành, tốt nghiệp (35 tín chỉ) và thực tập (15 tín chỉ thực tập tại phòng Lab và 5 tín chỉ thực tập xưởng và nhà máy– với 1 tín chỉ thực hành tương đương 45 tiết thực hành và 1 tín chỉ thực tập tại nhà máy tương đương 1 tuần làm thực hành).

Bên cạnh đó, các khối kiến thức luôn được xây dựng có tính logic, có mối liên hệ chặt chẽ, có tính kế thừa:

- Đảm bảo được các khối kiến thức tối thiểu của ngành đào tạo, gồm kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó bao gồm kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, thực tập và khóa luận hoặc thi tốt nghiệp;
- Có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính logic giữa các học phần;
- Có sự kết hợp hệ thống và điều chỉnh hợp lý giữa lý thuyết và thực hành nhằm tăng cường tay nghề cho sinh viên. CTĐT cũng chú ý đến việc đưa kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ vào chương trình đào tạo.

Với cấu trúc này, chương trình đào tạo đảm bảo một nền tảng kiến thức và trình độ tay nghề về điện, điện tử.

- Chương trình đào tạo áp dụng từ năm 2008 đã có 15 môn học tự chọn [Exh. 2.1 (1)] [1.1-02] và tập trung vào kiến thức chuyên ngành, đặc biệt từ năm 2012 chương trình mở rộng các môn tự chọn theo các hướng phân ngành đào tạo như **Phần mềm ứng dụng; tính toán lựa chọn, điều khiển thiết bị điện; nguồn, năng lượng mới & tiết kiệm năng lượng; Quản lý kỹ thuật** [Exh. 2.1 (1)] [minh chứng chương trình đào tạo 2012]. Chương trình có sự tích hợp các môn học có liên quan mật thiết với nhau về mặt kiến thức nhằm nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức của người học, khuyến khích sự hứng khởi và kỹ năng tổng hợp cho sinh viên; có nhiều môn học được tích hợp giữa lý thuyết và đồ án môn học giúp SV kiểm chứng lý thuyết áp dụng ngay vào đồ án như môn Cung cấp điện [Exh. 2.1

framework program of the Ministry of Education and Training should be clearly defined blocks background in math and science, science and technology-related training and knowledge, practical skills pedagogy [Exh. 2.1 (1)] [2.1-01]. Specifically: Contents of general knowledge (56 credits, excluding Military and Physical Education) transfer of knowledge in mathematics, physics, chemistry, foreign languages, computer science and a science social and humanistic. Base content industry disciplines (39 credits), professional, graduate (35 credits) and practice workshop (15 credits in laboratory practice and practice 5 credits for 1 workshop and factory, with 45 minutes practices equivalent to 1 credit practice and practice at the factory equivalent of one week of practice).

Besides, the knowledge blocks have always been to build logical, linked closely legacy:

- Ensure that the volume is minimal knowledge of industry training, including knowledge of general education, mass education professional knowledge. Which includes knowledge base and specialized industry, internships and thesis or graduation;
- There is a reasonable structure, designed a systematic way of knowledge among the masses, ensuring logic between modules;
- There is a combination of system and adjust the appropriate balance between theory and practice to enhance skills for students. Learning program also brings attention to the use of computer skills, foreign language training program.

With this structure, training programs ensure a foundation of knowledge and skill in electrical, electronics.

- Training program introduced in 2008 has 15 electives [1.1-02] and focus on specialized knowledge, particularly from 2012 the program expanded electives follow the training sub-sector applications created as application software, calculate selection, electrical control devices; sources, new energy & energy saving; Management techniques [Exh. 2.1 (1)]. The program integrates coursework related intimately to knowledge in order to improve the ability to acquire knowledge of learners, encourage enthusiasm and synthesis skills to students; many courses have been integrated between theory and

(24) [2.3-01], hay lý thuyết và thực tập như môn Máy điện, giúp SV nắm bắt lý thuyết bằng cách trải nghiệm thực tiễn qua các bài thực hành. Những kỹ năng này giúp SV đáp ứng được yêu cầu về kiến thức chuyên ngành, kỹ năng mềm và quan trọng hơn cả đảm bảo nền tảng tốt cho SV thể hiện kỹ năng của chính mình. Bên cạnh việc tích hợp các môn học nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy; để đảm bảo CTĐT đáp ứng được chuẩn đầu ra, trong các đề cương chi tiết của các môn học luôn luôn có các tiêu chí đầu ra để yêu cầu GV thể hiện trong bài giảng, bài tập, bài kiểm tra [Exh. 2.1 (25)] [2.3-02] nhằm giúp SV dễ dàng đạt được các tiêu chí trong chuẩn đầu ra theo yêu cầu của CTĐT.

Tuy nhiên, số lượng các môn học tự chọn, tích hợp trong CTĐT còn chưa nhiều và chưa giúp giảm được số giờ lên lớp của SV.

- Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo và giữa các trường, dựa trên việc so sánh chương trình đào tạo trình độ đại học hiện hành của nhà trường với các chương trình đào tạo của các trường có đào tạo bậc cao đẳng ngành Điện công nghiệp [Exh. 2.1 (26)] [2.3-03]. Đây là niềm tự hào của nhà trường và Khoa Điện – Điện tử, được thể hiện qua bề dày thành tích và kinh nghiệm đào tạo liên thông từ những năm 90 của thế kỷ trước để đáp ứng những bức xúc của xã hội tại những thời điểm đó. Ngoài ra, để giúp SV dễ dàng tiếp thu kiến thức, nhà trường tổ chức dạy một số môn học nhằm bổ sung thêm kiến thức cho sinh viên trước khi tham gia học tập các ngành đào tạo liên thông; thời gian đào tạo 2 năm theo mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ. Hiện tại đã liên kết đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học với nhiều trường cao đẳng trong cả nước [Exh. 2.1 (27)] [2.3-04]. Vì vậy có thể nói, với thời gian kiểm chứng hơn 20 năm, các bộ chương trình liên thông của Khoa không những đảm bảo được tính logic, chặt chẽ và đáp ứng được chuẩn đầu ra đã công bố mà còn đáp ứng được nhu cầu xã hội.

project courses help students verify the theoretical right to apply such project Power Supply [2.3-01], or the theory and practice as professional electrical machines, it help students to grasp the theory by practical experience through exercises. These skills help students meet the requirements for specialized knowledge, soft skills and more importantly ensure good platform for students to showcase their skills on their own. Besides the integration of courses to enhance teaching effectiveness; Learning program ensure the learning outcome, in the detailed outline of the course or syllabus is always the first criteria to require teachers to show in lectures, assignments, tests [2.3-02] to help students easily achieve the criteria in the standard output as required by the learning program.

However, the number of elective courses, integration of learning program has been low and has helped reduce the number of student contact hours.

- The training program is designed to connected between the rational level, the organization of training methods and between schools, based on the comparison of training programs the university level with the school's current the curriculum of the schools have college level training Cement industry [2.3-03]. This is the pride of the school and the Faculty of Electrical - Electronics, expressed through track record and experience in accreditation from the 90s of last century to meet the most pressing social at times that point. In addition, to help students acquire knowledge easily, the school organized a training course to add knowledge to the students before participating academic departments associated training; 2-year training period in the model training credit system. Currently link associated training college to college with many colleges in the country [2.3-04]. So it can be said, with time-tested for over 20 years, the transferability of Science program not only ensures logical, coherent and meet the standard output has also announced that meets the needs society.

Tiêu chí 1.4: Kết quả học tập mong đợi phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan. [3]

Như đã đề cập trước đó, kết quả học tập dự kiến đều bắt nguồn từ 5 nhóm liên quan. Việc lập bản

2.1.4.Criterion 1.4 The expected learning outcomes clearly reflect the requirements of the stakeholders.

đồ các bên liên quan (Bảng 2.1.4) cho thấy các mối tương quan giữa đầu vào từ các bên liên quan và kết quả học tập dự kiến của chương trình đào tạo.	As mentioned earlier in the Section 2.1.1, the expected learning outcomes of the graduates were derived from the inputs from 5 stakeholder groups. The stakeholder mapping (Table 2.1-4) shows the mapping between the inputs from the stakeholders and the expected learning outcomes of the graduate for the 2012 curriculum.
--	---

Bảng 2.1.4 Lập bản đồ các bên liên quan - kết quả học tập dự kiến là có nguồn gốc từ các đầu vào các bên liên quan

Kết quả học tập mong đợi	Ban giám hiệu	Đội ngũ giáo viên	Sinh viên	Cựu sinh viên	Cơ quan sử dụng lao động
1. Có kiến thức, nguyên lý, kỹ năng cơ bản và chuyên ngành trong lĩnh vực kỹ thuật Điện-Điện Tử, có kỹ năng thực hành cao, đảm đương nhiệm vụ của người kỹ sư ngành Điện công nghiệp và đáp ứng nhu cầu xã hội.	Kiến thức và kỹ năng phân tích Công nghệ	Tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng trong: Các chuyên ngành hệ thống điện, cung cấp điện Năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng. Máy điện, truyền động điện tự động.	- Kỹ năng tính toán, thiết kế - Hệ thống điện - Toán học - Có khả năng tính toán, thiết kế, triển khai, vận hành một hệ thống điện hoàn chỉnh. - Có khả năng suy nghĩ, sáng tạo, và áp dụng kiến thức vào tình huống thực tế.	- các kỹ sư thiết kế và vận hành hệ thống điện đã sẵn sàng để công việc sau khi tốt nghiệp - Tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng tính toán, lựa chọn và thiết kế một hệ thống cung cấp điện	Tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực cung cấp điện, hệ thống điện phân phối của điện lực, Mạng và Truyền số liệu, kinh nghiệm thiết kế điện trong tòa nhà, khu dân cư.
2. Sẵn sàng để làm việc với đạo đức kỹ thuật chuyên nghiệp và đề cao văn hóa Việt.	Đạo đức, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng phân tích Tinh thần, đạo đức, và độ tin cậy	- Làm việc theo nhóm - Nhận biết được sự văn hóa Việt Nam	- Không ích kỷ - Trung thực - Đúng hẹn - Trách nhiệm	- Khoan dung - Tận tình	- Môi quan hệ con người tốt - Giao tiếp tốt - Đạo đức tốt - Siêng năng - Trung thực - Tôn trọng các quy tắc của xã hội và pháp luật
3. Tò mò trong học hỏi và khả năng học tập suốt đời của người học.	- Kỹ năng nhận thức và kỹ năng giao tiếp - Thực hiện (Khoa Điện – Điện Tử)	- Tự học	- Luôn phấn đấu để có kiến thức mới	- Sẵn sàng học hỏi	- Có khả năng học công nghệ mới và có thể áp dụng một cách phù hợp và hiệu quả
4. Suy nghĩ sáng tạo và ứng dụng kiến thức kỹ thuật Điện – Điện Tử.	- Kiến thức, kỹ năng nhận thức và kỹ năng phân tích - Công nghệ (Khoa Điện-Điện Tử)	- Kỹ năng thiết kế - Kỹ năng Toán học - Có khả năng suy nghĩ, sáng	- Kỹ năng tính toán - Kỹ năng Giải quyết vấn đề - Kỹ năng thiết kế	- Giải quyết vấn đề	- Sáng tạo

		tạo, và áp dụng kiến thức với thực tế			
--	--	--	--	--	--

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

AUN-QA Tiêu chí 1 - Danh mục kiểm tra

1	<i>Kết quả học tập mong đợi</i>	1	2	3	4	5	6	7
1.1	Chương trình có kết quả học tập mong đợi được trình bày rõ ràng					✓		
1.2	Chương trình đẩy mạnh việc học cách học và học tập suốt đời						✓	
1.3	Kết quả học tập mong đợi bao gồm cả kiến thức và kỹ năng đại cương lẫn kiến thức và kỹ năng chuyên ngành						✓	
1.4	Kết quả học tập mong đợi phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan.					✓		
	ý kiến tổng thể					✓		

AUN-QA Criterion 1 – Checklist

1	Expected Learning Outcomes	1	2	3	4	5	6	7
1.1	The expected learning outcomes have been clearly formulated and translated into the program.					✓		
1.2	The program promotes life-long learning.						✓	
1.3	The expected learning outcomes cover both generic and specialized skills and knowledge.						✓	
1.4	The expected learning outcomes clearly reflect the requirements of the stakeholders.					✓		
	Overall opinion					✓		

DANH MỤC MINH CHỨNG

STT	Mã Minh Chứng (New)	Mã Minh Chứng (theo trường SPKT)	Tên Minh Chứng	Tình trạng
-----	---------------------	----------------------------------	----------------	------------

1	Exh 2.1.(1)	1.1-02	Kế hoạch đào tạo ngành Điện công nghiệp, Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp (Sổ tay sinh viên tháng 8/2006, 8/2007, 8/2009, 8/2010 và 8/2011, 2012)	
2	Exh 2.1.(2)	2.2-01	Quy trình Lập và điều chỉnh CTĐT, số hiệu QT-PĐT-LCTĐT, ngày hiệu lực 01/8/2005	Đã có
3	Exh 2.1.(3)	2.2-02	Chức năng nhiệm vụ Phòng Đào tạo, số hiệu HD-PĐT-CNNV, lần soát xét 01, ngày hiệu lực 15/9/2008 Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Khoa Điện – Điện tử, số hiệu HD-KĐĐT-CNNVTCK, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 22/9/2008 Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của các bộ môn, số hiệu HD-KĐĐT-CNNVTCCCBM, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 22/9/2008	Đã có
4	Exh 2.1.(4)	2.2-03	Đề cương chi tiết học phần môn học Mạng và cung cấp điện	Đã có
5	Exh 2.1.(5)	2.2-04	Chức năng nhiệm vụ của Thư viện, số hiệu HD-TV-CNNV, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/8/2005	Đã có
6	Exh 2.1.(6)	2.2-05	Chức năng nhiệm vụ của Phòng Quản trị - Thiết bị, số hiệu: HD-QTTB-NV, lần soát xét 01, ngày hiệu lực 01/10/2007	Đã có
7	Exh 2.1.(7)	2.2-06	Mẫu phiếu tham khảo ý kiến xây dựng chương trình giáo dục ngành Điện công nghiệp Danh sách đơn vị tham gia góp ý xây dựng chương trình đào tạo ngành CNKT Điện, ngày 07/6/2010	Đã có
8	Exh 2.1.(8)	2.2-07	Biên bản đối thoại giữa SV và Khoa ĐĐT (29/11/2008)	Đã có
9	Exh 2.1.(9)	2.2-08	Thông báo số 29/ĐHSPKT về việc điều chỉnh chương trình, kế hoạch đào tạo; ngày 01/4/2008 Thông báo số 415/TB-ĐHSPKT-ĐT về một số lưu ý khi triển khai hiệu chỉnh các CTĐT & KHĐT cho các khóa TS 2008, ngày 05/5/2008.	Đã có
10	Exh 2.1.(10)	1.1-04	Thông báo số 693/KH-ĐHSPKT-ĐT về kế hoạch hoàn thiện CTĐT 150 tín chỉ ngày 28/10/2011 Báo cáo số 732/BC-ĐHSPKT-ĐT về kết quả họp kiểm tra tiến độ xây dựng CTĐT 150 tín chỉ ngày 24/11/2011	Đã có
11	Exh 2.1.(11)	1.1-05	Đại hội CNVC Khoa ĐĐT. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2008-2009, 2009-2010, 2010-2011	Đã có
12	Exh 2.1.(12)	1.1-06	Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp trong 3 năm 2008 - 2009, 2009 - 2010, 2010 - 2011,	Đã có

			2011-2012, 2012-2013	
13	Exh 2.1.(13)		Bảng 2.1-1 [Exh. 2.1 (13)] [Exh. 2.1 (9)].	Đã có
14	Exh 2.1.(14)		Minh chứng việc phủ sóng Wifi, nâng cấp Internet, thư viện...	chưa có
15	Exh 2.1.(15)		Exh. 2.1 (15).[.minh chứng: các đề án tiểu luận trong CTĐT].	chưa có
16	Exh 2.1.(16)		làm thế nào để hình thành kỹ năng mềm SV	chưa có
17	Exh 2.1.(17)		www.heeap.ecollege.com	Đã có
18	Exh 2.1.(18)		[Exh. 2.1 (18)]. [minh chứng: các quyết định cho tham quan renesas, Vinamilk...]	chưa có
19	Exh 2.1.(19)		các giấy giới thiệu khi cử đi thực tập, phiếu tiếp nhận sinh viên..	chưa có
20	Exh 2.1.(20)		[Exh. 2.1 (20)].[[minh chứng danh sách sinh viên làm đề án tốt nghiệp các năm học]	chưa có
21	Exh 2.1.(21)		[Ví dụ, minh chứng phòng QLKH tổ chức các buổi hội thảo.....]	chưa có
22	Exh 2.1.(22)		[Exh. 2.1 (22)], [minh chứng-các buổi lễ 20-11 gặp gỡ cựu sinh viên khoa Điện]	chưa có
23	Exh 2.1.(23)		[Exh. 2.1 (23)] [minh chứng triển khai E-learning và Mobile-Learning và chương trình của HEEAP PEARSON].	chưa có
24	Exh 2.1.(24)	2.3-01	Đề cương chi tiết học phần Cung cấp điện	Đã có
25	Exh 2.1.(25)	2.3-02	Đề cương chi tiết học phần Thiết bị điều khiển điện	Đã có
26	Exh 2.1.(26)	2.3-03	Thông báo số 266/TB-ĐHSPKT-ĐT ngày 03/6/2010 về việc xây dựng CTĐT liên thông đại học cho hệ Cao đẳng nghề CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử trình độ đại học, khối K	Đã có
27	Exh 2.1.(27)	2.3-04	Các hợp đồng đào tạo với các Trường Cao đẳng SPKT Vĩnh Long, Cao đẳng nghề Cần Thơ, Cao đẳng nghề Đồng Nai, Cao đẳng nghề Dầu khí Vũng Tàu; năm 2008	Đã có